TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **249**/2024/DS-ST
Ngày: 22/5/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý

2. Bà Trần Thị Kim Anh

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** ông Trần Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 687/2023/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T; Địa chỉ: tt P, phường B, Quận A,Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: ông L J Y, chức vụ: T; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn P T N, sinh năm 20yy (Giấy ủy quyền ngày 20/8/2023).

2. Bị đơn: bà Trường T K V, sinh năm 19yy ; Thường trú: tt H, phường X, quận T, Thành phố H; Tạm trú: xx Đường số A, khu phố N, phường B,quận B1, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngày xx/yy/20zz Công ty T (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 38421rr về việc cấp tín dụng cho bà Trường T K V với khoản vay trị giá 41.000.000 đồng, lãi suất 42%/năm, bà Trường T K V có nghĩa vụ thanh

toán trả góp 2.021.517 đồng/tháng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 26/11/2022 đến ngày 26/10/2025.

Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty T đã giải ngân vào tài khoản cá nhân của bà Trường T K V.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Trường T K V chỉ mới thanh toán trả góp được 04 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 8.134.068 đồng (trong đó, tổng gốc đã trả là 2.460.762 đồng và tổng lãi đã trả là 5.625.306 đồng). Từ ngày xx/yy/20zzđến nay bà Trường T K V không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng đã ký.

Nay, Công ty T yêu cầu bà Trường T K V thanh toán số tiền tính đến ngày 22/5/2024 là: 60.236.336 đồng, trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 38.529.238 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 16.329.747 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn: 4.313.530 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả: 1.053.817 đồng.

Ngoài ra bà Trường T K V còn phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 23/5/2024 cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Thời hạn chuẩn bị xét xử và việc giao hồ sơ, quyết định đưa vụ án ra xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy bà Trường T K V có vay của Công ty T khoản vay trị giá 41.000.000 đồng, lãi suất 42%/năm, bà Trường T K V có nghĩa vụ thanh toán trả góp 2.021.517 đồng/tháng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 26/11/2022 đến ngày 26/10/2025.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Trường T K V chỉ mới thanh toán trả góp được 04 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 8.134.068 đồng (trong đó, tổng gốc đã trả là 2.460.762 đồng và tổng lãi đã trả là 5.625.306 đồng). Từ ngày xx/yy/20zz đến nay bà Trường T K V không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng đã ký.

Do bà Trường T K V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa Công ty T (sau đây gọi tắt là Công ty T) và bà Trường T K V là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn là bà Trường T K V có nơi cư trú tại số xx Đường số A, khu phố N, phường B,quận B1, Thành phố H. Do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Do cá nhân bà Trường T K V giao dịch với Công ty T, Công ty T cũng chỉ khởi kiện yêu cầu bà Trường T K V trả tiền. Bà Trường T K V vắng mặt và không có yêu cầu gì trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa chồng bà Trường T K V (nếu có) vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cũng không xem xét trách nhiệm liên đới giữa bà Trường T K V và chồng bà Trường T K V (nếu có) để trả nợ cho Công ty T do không có đương sự nào yêu cầu.

Ông Nguyễn P T N (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn xin vắng mặt, bà Trường T K V là bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Mặc dù, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là bà Trường T K V đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: vào ngày xx/yy/20zzCông ty T và bà Trường T K V ký Hợp đồng tín dụng số: 38421rr về việc cấp tín dụng cho bà Trường T K V với khoản vay trị giá 41.000.000 đồng, lãi suất 42%/năm, bà Trường T K V có nghĩa vụ thanh toán trả góp 2.021.517 đồng/tháng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 26/11/2022 đến ngày 26/10/2025.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng, pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng giữa các bên đương sự là Luật các tổ chức tín dụng (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010), Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc

ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Xét về hình thức, hợp đồng tín dụng nói trên được lập thành văn bản, phù hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Về mặt nội dung, chủ thể giao kết hợp đồng - Công ty T là một tổ chức tín dụng, được phép cấp tín dụng; bà Trường T K V có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Công ty T và bà Trường T K V tự nguyện giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Thỏa thuận của hai bên đương sự trong hợp đồng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng:*"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*, Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng: *"Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng"*.

Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty Miare Asset đã giải ngân vào tài khoản cá nhân của bà Trường T K V.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Trường T K V chỉ mới thanh toán trả góp được 04 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 8.134.068 đồng (trong đó, tổng gốc đã trả là 2.460.762 đồng và tổng lãi đã trả là 5.625.306 đồng). Từ ngày xx/yy/20zzđến nay bà Trường T K V không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng đã ký.

Nay Công ty T yêu cầu bà Trường T K V phải có trách nhiệm thanh toán một lần khoản tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/5/2024 là 60.236.336 đồng, trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 38.529.238 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 16.329.747 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn: 4.313.530 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả: 1.053.817 đồng.

Ngoài ra bà Trường T K V còn phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 23/5/2024 cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng, là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và cũng phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng "*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"*.

[5] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty T không phải nộp án phí, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Trường T K V phải nộp án phí tính trên số tiền phải trả cho Công ty T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147,điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010 của Quốc Hội);

Căn cứ Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T: bà Trường T K V phải trả cho Công ty T số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ bản Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 3842194 ngày xx/yy/20zzgiữa Công ty T và bà Trường T K V.

2. Bà Trường T K V phải trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty T số tiền là 60.236.336 (sáu mươi triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi sáu) đồng, gồm:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 38.529.238 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 16.329.747 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn: 4.313.530 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả: 1.053.817 đồng.

Ngoài ra bà Trường T K V còn phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 23/5/2024 cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí là 1.141.590 (một triệu, một trăm bốn mươi mốt nghìn, năm trăm chín mươi) đồng theo biên lai số

0026932 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trường T K V phải nộp 3.011.817 (ba triệu, không trăm mười một nghìn, tám trăm mười bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên